

Thực trạng và giải pháp phục hồi hoạt động kinh doanh ngành du lịch tại Việt Nam sau đại dịch COVID 19 1

Thực trạng và giải pháp phục hồi hoạt động kinh doanh ngành du lịch tại Việt Nam sau đại dịch COVID 19

TÓM TẮT

Nghiên cứu về thực trạng và giải pháp phục hồi hoạt động kinh doanh ngành du lịch tại Việt Nam sau đại dịch Covid-19 tập trung vào phân tích ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với ngành du lịch tại Việt Nam, nhận diện những thách thức mà doanh nghiệp trong ngành phải đối mặt như giảm khách du lịch, sụt giảm doanh thu, và thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng. Đồng thời, nghiên cứu này cũng tập trung vào việc phân tích những biện pháp và chính sách mà chính phủ và các doanh nghiệp đang triển khai để đối phó với tình hình khẩn cấp này. Các giải pháp đề xuất có thể bao gồm việc thúc đẩy du lịch nội địa, tận dụng công nghệ để tạo ra trải nghiệm du lịch ảo, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ du lịch, cùng với việc xây dựng chiến lược quảng bá mạnh mẽ để thu hút khách hàng quốc tế. Ngoài ra, nghiên cứu cũng có thể đề xuất những biện pháp hỗ trợ tài chính và chính sách thuế để giúp doanh nghiệp du lịch vượt qua khó khăn.

Từ khóa: Du lịch, kinh doanh, đại dịch covid-19, thách thức, hồi phục, phát triển

Status and solutions for business recovery in the tourism industry in VietNam after the Covid-19 pandemic

ABSTRACT

The study on the "Current Situation and Solution for Business Recovery in the Tourism Industry in Vietnam after the Covid-19 Pandemic" focuses on analyzing the impact of the Covid-19 pandemic on the tourism industry in Vietnam. It acknowledges the challenges faced by businesses in the industry, such as a reduction in tourist numbers, declining revenue, and changes in consumer behavior. Additionally, the research concentrates on analyzing measures and policies implemented by the government and businesses to address this urgent situation. Proposed solutions may include promoting domestic tourism, leveraging technology for virtual travel experiences, diversifying tourism products and services, along with implementing a robust promotion strategy to attract international customers. Furthermore, the study may suggest financial support measures and tax policies to assist tourism businesses in overcoming difficulties.

Keywords: Tourism, business, Covid-19 pandemic, challenges, recovery, development.

1. GIỚI THIỆU

Dịch bệnh Covid-19 đã bắt đầu lan rộng từ đầu năm 2020, trở thành một đại dịch toàn cầu có tầm ảnh hưởng nghiêm trọng nhất trong vòng một thế kỷ qua. Ngành du lịch được coi là một trong những lĩnh vực kinh tế đặc biệt nhạy cảm đối với bệnh dịch, ngay từ tháng 2/2020 đã phải đối mặt với tác động nặng nề của đại dịch trên toàn cầu.

Du lịch Việt Nam không nằm ngoại lệ khi phải đối mặt với những thách thức chưa từng có. Từ tháng 3/2020, Việt Nam đã tạm ngừng đón khách quốc tế và chỉ tiếp tục hoạt động du lịch trong nước. Tuy nhiên, thị trường du lịch nội địa cũng bị ảnh hưởng do các biện pháp giãn cách xã hội trong thời kỳ dịch bùng phát.

Tác động của đại dịch Covid-19 đã gây biến động sâu sắc và toàn diện đối với ngành du lịch Việt Nam. Theo báo cáo của Tổng cục Du lịch, trong năm 2021, do chấp hành nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ về phòng chống dịch, nhiều hoạt động văn hóa và du lịch phục vụ khách trên khắp cả nước đã phải tạm ngừng. Điều này dẫn đến sự giảm mạnh về lượng du khách nội địa, ước tính giảm khoảng từ 60 - 80% so với cùng kỳ năm 2020. Công suất sử dụng phòng tại các cơ sở lưu trú chỉ đạt từ 10 - 20%, doanh thu du lịch giảm thấp, và một số địa điểm du lịch cũng phải đóng cửa không đón khách. Đồng thời, một số doanh nghiệp du lịch đã phải điều chỉnh hoặc kinh doanh của họ để phản ánh thực tế tình hình dịch bệnh.

Ảnh hưởng lan tỏa từ hoạt động du lịch đã gây khủng hoảng chung cho các chuỗi dịch vụ, từ cung cấp thực phẩm, nông sản, đến sản xuất đồ lưu niệm, trình diễn ca múa nhạc, và giải trí, khiến chúng phải đối mặt với thiếu hụt nguồn thu nhập.

Dưới tác động của đại dịch, ngành du lịch đã phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, từ sụt giảm du khách, giảm doanh thu đến thay đổi trong hành vi tiêu dùng. Đề tài này nghiên cứu tính cấp thiết và thiết thực, vì nó không chỉ tập trung vào việc phân tích vấn đề mà còn đề xuất các giải pháp hỗ trợ để ngành du lịch có thể hồi phục và phát triển mạnh mẽ hơn trong bối cảnh khó khăn. Sự đa dạng trong các biện pháp đề xuất như thúc đẩy du lịch nội địa, ứng dụng công nghệ cho trải nghiệm du lịch ảo, và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ du lịch, mang lại sự toàn diện trong quan điểm giải quyết vấn đề.

Nghiên cứu này có thể cung cấp thông tin chi tiết và chiến lược cho các doanh nghiệp, chính phủ, và các bên liên quan khác để định hình chiến lược tái cơ cấu ngành du lịch sau đại dịch, đồng thời giúp xây dựng một kịch bản tương lai tích cực và bền vững cho ngành này. Như vậy, việc nghiên cứu về đề tài này không chỉ hỗ trợ ngành du lịch mà còn góp phần tích cực vào quá trình phục hồi kinh tế toàn diện của đất nước.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu trong đề tài "Thực trạng và giải pháp hồi phục hoạt động kinh doanh ngành du lịch tại Việt Nam sau đại dịch Covid-19" chủ yếu là nghiên cứu định tính với những phương pháp cụ thể sau:

Phân tích tình hình hiện tại (Descriptive Analysis):

- Thu thập dữ liệu về số liệu du lịch, doanh thu, và các chỉ số kinh **13** liên quan từ các nguồn chính thức như cơ quan thống kê, báo cáo của Tổng cục Du lịch, và các tổ chức quản lý kinh tế.

- Sử dụng các phương tiện thống kê và **81** để trực quan hóa thông tin và phân tích tình hình hiện tại của ngành du lịch.

Nghiên cứu đánh giá chiến lược (Strategic Evaluation Research):

- Phân tích chiến lược đã và đang được thực hiện bởi chính phủ và doanh nghiệp để đối mặt với tình hình khẩn cấp và hồi phục kinh doanh.

- So sánh và đánh giá hiệu quả của các chiến lược khác nhau.

Đề xuất giải pháp (Solution Proposal):

- Dựa trên kết quả của các phương pháp trên, đề xuất các **60** i pháp cụ thể và thực tế để hỗ trợ hồi phục và phát triển ngành du lịch tại Việt Nam.

- Xây dựng chiến lược thực hiện và định rõ các bước cụ thể để triển khai giải pháp đề xuất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG

3.1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh du lịch tại Việt Nam

Dịch bệnh Covid-19 đã bắt đầu lan rộng từ đầu năm 2020 và nhanh chóng trở thành một **86** dịch toàn cầu, mang lại tác động nghiêm trọng nhất trong vòng một thế kỷ trở lại đây. Trong số các lĩnh vực kinh tế, ngành du lịch đặc biệt nhạy cảm và từ tháng 2/2020, dịch Covid-19 đã tạo ra một làn sóng ảnh hưởng đáng kể đối với ngành du lịch trên toàn thế giới.

3 Ngành du lịch Việt Nam cũng không tránh khỏi những khó khăn chưa từng thấy trước đây kể từ từ tháng 3/2020, Việt Nam phải tạm dừng đón khách quốc tế và chỉ tiếp tục hoạt động du lịch trong nước. Tuy nhiên, thị trường du lịch nội địa cũng không tránh khỏi ảnh hưởng do các biện pháp giãn cách xã hội trong thời kỳ dịch bùng phát. T **69** động của đại dịch Covid-19 lên ngành du lịch không chỉ là **75** thách thức mà là một cú sốc lớn. Năm 2020, ngành du lịch Việt Nam đã phải **43** mặt với sự sụt giảm đáng kể ở mọi mặt. Theo Tổng cục Thống kê, lượng khách quốc tế cả năm **3** 2020 giảm đến 78,7%, số liệu này thậm chí có hơn 96% là khách quốc tế đến trong quý I/2020. Khách du lịch trong n **3** c cũng không thoát khỏi tình trạng giảm mạnh, gần 50% và tổng thu du lịch cả nước giảm lên đến 530 nghìn tỷ đồng (tương đương 23 tỷ USD). Đại dịch đã tạo

ra một làn sóng ảnh hưởng mạnh mẽ, khiến lượng khách du lịch giảm đồng nghĩa với doanh thu từ du lịch lữ hành giảm mạnh. Năm 2021, tình hình vẫn tiếp **110** khó khăn khi khách quốc tế giảm tới 97,6% số lượng khách đến **106** ng đường hàng không giảm đến 98,62%, và doanh thu du lịch lữ hành giảm 51,8%. Các địa phương lớn như TP. Hồ Chí Minh, Khánh H **6** và Đà Nẵng đều chịu mất n **119** ang kể, khi số lượng khách quốc tế đến giảm **3** n hàng chục và thậm chí hàng trăm phần trăm. Cùng với đó, ảnh hưởng lớn của đại dịch đã khiến ch **23** nhiều doanh nghiệp du lịch phải đóng cửa, gặp kh **50** hần về tài chính và cả nguồn nhân lực. Nhiều doanh nghiệp ở Hà Nội, Đà Nẵng **97** TP. Hồ Chí Minh đã phải dừng hoạt động và **đổi** mặt với t **3** i trạng lao động nghỉ việc. Khảo sát cho thấy khoảng 40% **104** ng ăn việc làm trong ngành du lịch mất đi, ảnh hưởng lớn đến người lao động và kinh **39** tế nói chung.

Tóm lại, đại dịch Covid **79** đã tạo ra những thách thức lớn và **đ** **2** hỏi sự linh hoạt và sáng tạo trong việc đưa ra giải pháp phục hồi và phát triển ngành du lịch tại Việt Nam trong những thời kỳ khó khăn này.

3.2. Tác động của đại dịch Covid-19 đến lực lượng lao động ngành Du lịch Việt Nam

Theo Kế hoạch Phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030, dự kiến đạt trên 3 triệu lao động trong ngành vào **43** n 2020, trong đó có hơn 1 triệu người làm việc trực tiếp. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, việc gạt hái con số **4** y trở nên khó khả thi, đòi hỏi sự đổi mới trong chiến lược phát triển. Trong năm 2020, các doanh nghiệp du lịch đã phải đối mặt với tình trạng giảm đến 70-80% lực **2** ợng lao động. Đến năm 2021, chỉ có 25% lực lượng lao động làm đủ thời gian so với **2** ăm 2020. Trong số này, khoảng 30% người lao động đã nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng, 35% tạm nghỉ việc và 10% đang trong tình trạng cầm chừng.

9 Trong năm 2020, lượng khách du lịch quốc tế giảm đột ngột đến 80%, chỉ đạt 3,7 triệu lượt; còn khách du lịch nội địa giảm 34%, đạt 56 triệu lượt. T **2** thu nhập từ ngành du lịch giảm 59%, chỉ còn 312.200 tỷ đồng so với năm 2019. Trong năm **24** 21, với đợt dịch thứ 4 bùng phát mạnh, lượng khách du lịch quốc tế không tăng, và khách du lịch nội địa tiếp tục giảm gần 30% so với cùng kỳ năm 2020. Hiện tại, khoảng 95% doanh nghiệp du lịch quốc tế đã tạm ngừng hoạt động. Do diễn biến phức tạp, ảnh **49** ờng của dịch Covid-19 đặt áp lực mạnh mẽ lên cơ sở lưu trú tại Việt Nam, khiến công suất hoạt động của chúng chỉ đạt 20 - **24** % trong năm 2021. Số lượng đặt phòng bị hủy tại các cơ sở lưu trú ở Hà Nội là hơn

80.613 lượt, với số ngày bị hủy phòng khoảng 57.652 ngày. Tình trạng này gây mất 22% làm đối với nhân lực ngành Du lịch, khiến các công ty, khách sạn và nhà hàng phải cắt giảm đến 60% biên chế. 4 đối với các công ty đa quốc gia, họ giảm đến 4/5 số lượng nhân viên.

Tình trạng thiếu hụt lao động trong ngành Du lịch là một vấn đề đáng lo ngại, khi có tới 70 - 80% lực lượng lao động phải nghỉ việc hoặc chuyển sang ngành khác do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Việc đào tạo lực lượng lao động mới sẽ đòi hỏi chi phí lớn và khó có thể đáp ứng được nhanh chóng khi hoạt động du lịch khôi phục. Đồng thời, xu hướng đổi mới về sản phẩm và dịch vụ du lịch để đảm bảo an toàn cho du khách trong bối cảnh mới cũng là một trong những thách thức, gây ra chi phí bổ sung cho các doanh nghiệp du lịch đang gặp khó khăn hiện nay.

3.3. Tác động của đại dịch Covid 19 đến sự sụt giảm nhu cầu du lịch

Hiện nay, có thể dễ dàng bắt gặp những thông tin tích cực về tình hình phục hồi của ngành du lịch Việt Nam, nhưng khi so sánh với những con số tương đối, thông tin này thì không mang lại nhiều ý nghĩa. Tình hình phát triển du lịch địa phương có thể được phân loại vào hai nhóm chính:

Nhóm đầu tiên, bao gồm các địa phương có khả năng phát triển du lịch mạnh mẽ, chiếm phần lớn doanh thu du lịch cả nước như: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Quảng Nam, Hà Nội và Hồ Chí Minh. Đây là nhóm cần tập trung vào việc phục hồi và phát triển.

Nhóm thứ hai là các tỉnh, thành phố không coi du lịch là ngành kinh tế chủ lực, ví dụ như: Bình Dương, Thái Nguyên, Hải Phòng. Đây là nhóm trải qua sự suy giảm và không chiếm phần lớn trong tình hình tăng trưởng của địa phương.

Nhóm cuối cùng là các địa phương có tiềm năng phát triển, xem du lịch là ngành chủ lực nhưng đang đối mặt với thách thức phát triển ngắn hạn, ví dụ như Hà Giang.

Đối với nhóm du lịch đầu tiên, sự suy giảm đáng kể về số lượng du khách là rõ ràng. Trước đại dịch, vào năm 2019, doanh thu từ khách lữ hành đạt hơn 40 nghìn tỷ đồng (so với gần 5 nghìn tỷ đồng của cả hai nhóm còn lại). Tuy nhiên, sau khi giảm hơn 80% trong đại dịch, dự kiến sẽ mất đến năm 2022 mới phục hồi khoảng 76%, đạt khoảng 30 nghìn tỷ đồng, xấp xỉ với trung bình giai đoạn 2010-2022. Ngược lại, hai nhóm còn lại (58 tỉnh, thành phố) lại ghi nhận sự tăng trưởng tổng doanh thu du lịch lữ hành (khoảng 11% so với trước

Covid-19). Mặc dù có vẻ như phục hồi du lịch đang diễn ra mạnh mẽ khi xem xét con số trong đối giữa các địa phương, doanh thu thực tế của cả nước chỉ đạt khoảng 80% so với trước đại dịch (năm 2019) vào năm 2021. Đặc biệt, tại các điểm du lịch nổi tiếng như đảo Phú Quốc, vịnh Hạ Long và Bái Tử Long, tình hình phục hồi diễn ra chậm hơn đang đối mặt với những thách thức đặc biệt. Sự chậm trễ trong việc phục hồi doanh thu du lịch có thể xuất phát từ hai thách thức lớn. Một là từ phía cầu, khi số lượt khách cả nước và ngoài nước chưa đạt đến mức 80% so với trước đại dịch (năm 2019).

Thứ hai, các loại hình dịch vụ du lịch chưa thực sự thu hút du khách. Mức chi tiêu bình quân đầu người cho hoạt động du lịch giảm từ khoảng 1.277,4 nghìn đồng/người/ngày và 1.141,5 nghìn đồng/người/ngày năm 2017 xuống còn khoảng 1.150 nghìn đồng/người/ngày năm 2020. Chi phí du lịch của khách từ Bi và Thụy Điển giảm gần 30% kể từ trước dịch, trong khi du khách từ Philippines có chi tiêu tăng khoảng 20-30%. Điều này cho thấy chi phí du lịch mỗi khách không có sự biến đổi lớn, thậm chí giảm từ trước đại dịch. Cần lưu ý rằng những con số này không tính đến mức lạm phát từ năm 2017 đến năm 2019. Về cơ bản, chi tiêu, tổng chi phí cho ăn uống và đi lại chiếm đến 40-50% tổng số tiền, trong khi các khoản chi cho hàng hóa và trải nghiệm du lịch địa phương chỉ đạt khoảng 20%. Thời gian lưu trú trung bình của du khách không có sự tăng lên (chưa đến 2 ngày trung bình), và cự ly vận chuyển giảm từ 68,1km (năm 2017) xuống 63,5km (năm 2019), điều này thể hiện sự giảm số du khách thăm các địa điểm lân cận.

Tóm lại, dù có những dấu hiệu tích cực về phục hồi du lịch ở một số địa phương, tình hình tổng thể của ngành du lịch Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức. Sự chậm trễ trong việc khôi phục số lượng du khách và sự giảm sút chi tiêu của họ góp phần làm giảm hiệu quả của quá trình phục hồi. Cần có chiến lược linh hoạt và chủ động để đối mặt với tình hình động này và đảm bảo bền vững cho ngành du lịch Việt Nam trong thời gian tới.

4. GIẢI PHÁP

4.1. Giải pháp từ phía các cơ quan nhà nước, chính phủ

Để phục hồi ngành du lịch sau đại dịch COVID-19, Việt Nam đặt ra mục tiêu đón 65 triệu lượt khách du lịch trong năm 2022, trong đó có khoảng 5 triệu lượt khách quốc tế và 60 triệu lượt khách nội địa, với tổng doanh thu đạt

400.000 tỷ đồng. Đối với việc thực hiện mục tiêu này, cần thiết lập các chính sách hỗ trợ như sau:

- Xác định du lịch là một trong những trọng tâm của Chương trình Phục hồi, Phát triển Kinh tế - Xã hội, triển khai mạnh mẽ để đảm bảo an toàn khi mở lại du lịch quốc tế và nội địa.

- Ban hành chính sách thuận lợi cho du lịch, bao gồm việc thiết lập văn phòng đại diện du lịch Việt Nam ở nước ngoài, thúc đẩy chuyển đổi số, và tăng cường quảng bá.

- Phát triển sản phẩm du lịch và thu hút khách quốc tế từ các thị trường trọng điểm, cũng như kích thích du lịch nội địa và thúc đẩy chi tiêu của du khách.

- Kéo dài các chính sách giảm thuế và phí đối với doanh nghiệp du lịch, đồng thời đề xuất chính sách mới như giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với nhiều lĩnh vực du lịch.

- Hỗ trợ vốn với lãi suất thấp và điều kiện vay đơn giản cho các doanh nghiệp du lịch.

- Kéo dài thời gian áp dụng các chính sách về thuế và phí, nới rộng điều kiện nhận hỗ trợ của chính sách an sinh xã hội.

- Tiếp tục nghiên cứu và ban hành chính sách tài khóa, tiền tệ, và an sinh xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động trong ngành du lịch.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình Phát động du lịch nội địa với sự an toàn và linh hoạt trong kiểm soát dịch COVID-19.

Với sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, cùng với sự đồng lòng của các địa phương và doanh nghiệp, ngành du lịch Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi và phát triển, góp phần quan trọng vào sự phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4.2. Giải pháp từ phía ngành du lịch

Trong tình hình người dân đã bị hạn chế đi lại trong hai năm, nhu cầu đi du lịch đã bùng phát mạnh mẽ. Khảo sát từ booking.com với 28.000 người từ 28 quốc gia trên thế giới cho thấy, có nhiều du khách mong chờ có cơ hội đi du lịch trở lại trong năm 2021. Hơn nữa, theo Hội đồng Tư vấn du lịch (TAB) thuộc Tổng cục Du lịch, khách du lịch nội địa đã sẵn sàng quay lại hoạt động du lịch ngay khi dịch bệnh được kiểm soát.

Chính trước sự thay đổi trong nhu cầu và yêu cầu của khách du lịch, ngành du lịch đang nỗ lực đáp ứng. Điều này bao gồm việc lựa chọn điểm đến an toàn và thân thiện, đảm bảo chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm. Người du lịch ngày càng

cần được cung cấp thông tin chi tiết về hệ thống chăm sóc sức khỏe và các gói bảo hiểm. Ngoài ra, xu hướng du lịch nội địa đang thịnh hành hơn so với du lịch quốc tế, và ngành du lịch đang sử dụng công nghệ thông tin để thu hút sự chú ý của du khách.

Điểm nổi bật từng bước mở cửa thị trường quốc tế, Chính phủ đã ban hành các hướng dẫn tạm thời. Tổng cục Du lịch đã tham mưu và triển khai các giai đoạn, bắt đầu với việc mở cửa đón khách du lịch quốc tế đến các điểm như Phú Quốc, Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng, và Quảng Ninh.

Để thúc đẩy kích cầu và phục hồi du lịch nội địa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai kế hoạch và chương trình. Đồng thời, việc đa dạng hóa sản phẩm du lịch và chuyển đổi số là một ưu tiên, nhằm thích ứng với xu hướng mới của thị trường.

Trong bối cảnh khó khăn, ngành du lịch không chỉ cần phục hồi mà còn cần chuyển đổi để ứng mọi thách thức. Hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, và sử dụng công nghệ thông tin là những bước quan trọng để ngành du lịch Việt Nam có thể tự tin đối mặt với những thách thức trong thời gian tới.

4.3. Giải pháp phục hồi và phát triển du lịch Việt Nam trong giai đoạn mới cho các doanh nghiệp ngành du lịch

Để phát triển du lịch Việt Nam trong bối cảnh mới, đặc biệt trong và sau đại dịch Covid-19, ngành cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Trước hết, cần cơ cấu lại thị trường khách du lịch theo hướng bền vững, đẩy mạnh thị trường khách nội địa để du lịch nội địa trở thành trụ cột chính. Điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước mà còn bảo đảm khả năng duy trì cho các doanh nghiệp du lịch trong ngắn hạn.

Tăng cường xúc tiến và quảng bá cũng là yếu tố quan trọng, tạo ra các sản phẩm du lịch mới và chuyển đổi số trong quản lý và tiếp thị du lịch. Đối diện với thách thức lực lượng lao động, cần phục hồi và phát triển nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

Trong tất cả các biện pháp, ngành du lịch cũng đang chú trọng vào việc đảm bảo an toàn trong hoạt động du lịch. Điều này bao gồm việc ưu tiên an toàn cho điểm đến và khách du lịch. Một hệ thống đăng ký và đánh giá an toàn COVID-19 đã được xây dựng để áp dụng cho các cơ sở lưu trú, doanh nghiệp lữ hành, và các dịch vụ du lịch khác.

56 Cuối cùng, xây dựng môi trường du lịch thân thiện và an toàn là điểm quan trọng, tránh các hiện tượng tiêu cực như chèo kéo khách, lừa đảo, đồng thời đảm bảo an toàn phòng chống 13 h bệnh Covid-19. Bằng cách thực hiện những biện pháp này một cách đồng đều và hiệu quả, ngành du lịch Việt Nam có thể hồi phục và phát triển bền vững trong thời kỳ hậu đại dịch.

4.4. Giải pháp phục hồi nguồn nhân lực ngành Du lịch sau đại dịch

Đề nguồn nhân lực ngành Du lịch phục hồi và khôi phục trong tình hình khó khăn, các doanh nghiệp cần thực hiện một loạt biện pháp toàn diện và đồng bộ. Đầu tiên, tính sẵn bộ máy và ưu đãi nhân sự là cần thiết. Việc sắp xếp lại vị trí làm việc và giữ lại nhân sự chất lượng, đồng thời đào tạo và tái đào tạo thông qua các chương trình chuyên sâu là yếu tố quan trọng.

Chương trình đào tạo trực tuyến miễn phí cũng cần được triển khai rộng rãi, không chỉ dành cho nhân viên mà còn mở rộng đến sinh viên, tập trung vào an toàn du lịch và các kỹ năng liên quan. Doanh nghiệp cần chủ động lập kế hoạch tuyển dụng và liên lạc với nhân sự cũ, thiết kế chính sách ưu đãi để thu hút người lao động quay trở lại làm việc.

8 Hỗ trợ tài chính từ Chính phủ cũng là một yếu tố quan trọng, kèm theo chính sách hỗ trợ lao động thất nghiệp nhằm giữ người lao động trong ngành. Trong trung và dài hạn, việc phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp mới, linh hoạt và phù hợp là chìa khóa. Đặc biệt, cần tăng cường đào tạo các ngành như du lịch, khách sạn và thay đổi phương thức đào tạo để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thị trường.

Sự liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp càng trở nên quan trọng hơn. Doanh nghiệp cung cấp môi trường thực hành và thực tập cho sinh viên, trong khi Nhà trường mời doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo. Việc tăng cường trang bị kỹ năng cho sinh viên, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý khách sạn và hướng dẫn viên, là không thể phớt lờ.

Quan trọng nhất, Nhà trường cần lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp để điều chỉnh và cải thiện chất lượng đào tạo. Phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động sẽ đóng góp vào quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời đảm bảo rằng ngành Du lịch có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của khách du lịch.

4.5. Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành du lịch

1 Một khía cạnh quan trọng trong quá trình chuyển đổi kinh tế, bao gồm cả ngành du lịch, là sự số hóa. Điều này phản ánh sự phát triển và tăng trưởng chung giữa các kỳ thời và đặc trưng bởi nền tảng công nghệ số được chia sẻ, như các nền tảng kinh doanh online (Lazada, Tiki, Shopee), thanh toán online (Internet Banking, MoMo, Zalo Pay), giao hàng trực tuyến (Grab, Uber, Be, Baemin) và các nền tảng khác. Tiến triển này đã đưa mặt bằng chung của quá trình chuyển đổi số lên cho hầu hết các loại hình dịch vụ trong ngành du lịch.

53 Nỗ lực chuyển đổi số từ chính phủ cũng đóng một vai trò quan trọng, đặc biệt là khi chú trọng vào việc phát triển chính phủ số. Điều này là cần thiết cho ngành du lịch có tính phân mảnh, đòi hỏi sự tích cực của chính phủ trong việc xây dựng uy tín và ảnh hưởng địa phương. Chính phủ số cũng hỗ trợ sự thích ứng và thay đổi nhanh chóng trong ngành du lịch, giúp loại bỏ các rào cản từ các quy định truyền thống.

1 Ví dụ, thông qua các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Weibo, Twitter và TikTok, du khách có thể dễ dàng tiếp cận, chia sẻ và xác nhận thông tin về du lịch Việt Nam và trên toàn thế giới. Chính phủ trực tuyến cũng ngày càng phổ biến, cung cấp thông tin chi tiết về lịch trình, chất lượng và chi phí của mỗi chuyến đi, tạo điều kiện cho sự linh hoạt trong quá trình chuyển đổi số để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch.

Quá trình chuyển đổi số không chỉ giúp kết nối các phần tử phân mảnh trong ngành du lịch mà còn giảm thiểu chi phí ngày càng tăng. Chính phủ cần thúc đẩy quy tắc chung để khai thác các dịch vụ công hiệu quả và minh bạch, còn người dân địa phương phải bảo tồn bản sắc văn hóa, và doanh nghiệp cần phát triển các dịch vụ hấp dẫn với du khách.

47 Chính phủ số càng trở nên quan trọng trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, khi khai thác các tài sản công cộng và tạo ra sự hiệu quả trong thúc đẩy du lịch bản địa. Tuy nhiên, đối với một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam, quá trình chuyển đổi số trong khu vực công vẫn chưa mang lại lợi ích đáng kể và thậm chí có thể tăng chi phí không cần thiết.

2 Để phục hồi ngành du lịch Việt Nam, cần nhận diện thực trạng phục hồi và hỗ trợ chính quyền địa phương cùng các doanh nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi số một cách hiệu quả, giảm thiểu chi phí không đáng có và tăng cường sự linh hoạt trong ngành.

5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Qua ³⁸ phân tích thực trạng, chúng ta thấy rõ sự ảnh hưởng nặng nề của đại dịch ⁹⁸ lên ngành du lịch Việt Nam. Doanh thu ⁶⁴m, lượng khách du lịch giảm sút đáng kể, và ⁹⁹u doanh nghiệp đối diện với nguy cơ phá sản ¹⁰uy nhiên, trong bối cảnh khó khăn này, cũng ⁵¹ mở ra nhiều cơ hội và giải pháp hồi phục.

Một trong những giải pháp ⁸ quan trọng là chuyển đổi số. Việc sử dụng công nghệ và các ¹⁰⁸ tăng trực tuyến có thể giúp ngành ⁷¹ lịch nhanh chóng thích ứng với thị trường mới, kết nối ⁵⁸ ich hàng và doanh nghiệp một cách hiệu quả. Chính phủ cần đóng vai ⁹⁴ quan trọng trong việc thúc đẩy chính sách ¹⁰ và tạo ra một môi trường linh hoạt để hỗ trợ sự phục hồi của ngành.

² Hỗ trợ tài chính là yếu tố quyết định để giữ cho các doanh nghiệp du lịch tồn tại. Chính phủ cần đưa ra các gói hỗ trợ tài chính, cũng như chính sách khuyến khích doanh nghiệp du lịch tái cơ cấu và nâng cao hiệu suất kinh doanh.

⁴⁶

Ngoài ra, quan hệ giữa nhà trường ² và doanh nghiệp cũng cần được củng cố. Việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, ²h hoạt và đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành là chìa khóa để giúp ngành du lịch phục hồi nhanh chóng và bền vững.

⁸² Cuối cùng, để hồi phục và phát ⁶³ triển, ngành du lịch cần một chiến lược dài hạn. Cần ¹¹² phủ, doanh nghiệp, và các bên liên ⁸ an cần hợp tác chặt chẽ để xây dựng một ngành du lịch mạnh mẽ, chuyển đổi số, và đáp ứng được với thách thức từ môi trường mới. Điều này đòi hỏi ⁸⁴ sự linh hoạt, sự sáng tạo và lòng đoàn kết từ tất cả các bên liên quan.

¹⁶

Tóm lại, việc hồi phục hoạt động kinh doanh trong ngành du lịch tại Việt Nam sau đại dịch COVID-19 ²⁶ một công cuộc đòi hỏi sự nỗ lực đồng lòng và các giải pháp toàn diện từ cả ⁵⁹ chính phủ, doanh nghiệp, và cộng ⁵⁹g. Chỉ thông qua sự đồng lòng và hợp tác này, ngành du lịch có thể vượt qua khó khăn, phục hồi và định hình lại bức tranh tích cực cho tương lai.

Thực trạng và giải pháp phục hồi hoạt động kinh doanh ngành du lịch tại Việt Nam sau đại dịch COVID 19 1

ORIGINALITY REPORT

61%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	en.vneconomy.vn Internet	578 words — 11%
2	hoithao.vietnamtourism.gov.vn Internet	335 words — 6%
3	kinhtevadubao.vn Internet	298 words — 5%
4	wiki.chitietcongtty.com Internet	285 words — 5%
5	doanhnghiepthuonghieu.vn Internet	198 words — 4%
6	tapchicongthuong.vn Internet	104 words — 2%
7	tmu.edu.vn Internet	89 words — 2%
8	khoahoc.neu.edu.vn Internet	37 words — 1%
9	baomoi.com Internet	34 words — 1%

10	Hanoi National University of Education Publications	33 words — 1%
11	vietnamtourism.gov.vn Internet	33 words — 1%
12	www.24h.com.vn Internet	32 words — 1%
13	www.zbook.vn Internet	32 words — 1%
14	nhandan.vn Internet	30 words — 1%
15	vnexpress.net Internet	30 words — 1%
16	hoian.gov.vn Internet	26 words — < 1%
17	baokiemtoannhanuoc.vn Internet	25 words — < 1%
18	khoahoc.tmu.edu.vn Internet	25 words — < 1%
19	Ho Chi Minh National Academy of Politics Publications	24 words — < 1%
20	xaydungtoday.vn Internet	24 words — < 1%
21	tailieu.vn Internet	23 words — < 1%

22	Internet	21 words — < 1%
23	luanvan.co Internet	20 words — < 1%
24	www.slideshare.net Internet	19 words — < 1%
25	www.tailieudaihoc.com Internet	19 words — < 1%
26	sof.edu.vn Internet	16 words — < 1%
27	elib.duytan.edu.vn Internet	15 words — < 1%
28	www.vietnamplus.vn Internet	15 words — < 1%
29	elb.lic.neu.edu.vn Internet	14 words — < 1%
30	www.grab.com Internet	14 words — < 1%
31	123docz.net Internet	13 words — < 1%
32	chuongtrinhmuctieuquocgia.baodantoc.vn Internet	13 words — < 1%
33	nhabao247.com Internet	13 words — < 1%
34	www.vnuhcm.edu.vn	

13 words — < 1%

35 amthuckhachsen.com.vn
Internet

12 words — < 1%

36 baodoanhnghiep.net
Internet

12 words — < 1%

37 danangchothue.com
Internet

12 words — < 1%

38 dangcongsan.vn
Internet

12 words — < 1%

39 diendandoanhnghiep.vn
Internet

12 words — < 1%

40 dulich.dongthap.gov.vn
Internet

12 words — < 1%

41 ir.lib.uth.gr
Internet

12 words — < 1%

42 tump.edu.vn
Internet

12 words — < 1%

43 uncp.edu.pe
Internet

12 words — < 1%

44 www.saigondautu.com.vn
Internet

12 words — < 1%

45 (11-24-14) http://123.30.183.236/tin-tuc/gioi-thieu-ve-dsvn.html
Internet

11 words — < 1%

46 (2-7-14) 11 words — < 1%
<http://123.29.68.194/channel/3005/201310/4-van-de-can-lam-ro-trong-phat-trien-nhan-luc-vn-1974315/>
Internet

47 3d-smartsolutions.com 11 words — < 1%
Internet

48 Lê Trung Hiếu. "PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Ở MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM", HUFLIT INTERNATIONAL CONFERENCE 2020 ON ENSURING A HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCE IN THE MODERN AGE, 2020 11 words — < 1%
Crossref

49 amp.tapchicongthuong.vn 11 words — < 1%
Internet

50 asiafoundation.org 11 words — < 1%
Internet

51 baothuathienhue.vn 11 words — < 1%
Internet

52 bvhttdl.gov.vn 11 words — < 1%
Internet

53 helloworld.com 11 words — < 1%
Internet

54 luatduonggia.vn 11 words — < 1%
Internet

55 macrothink.org 11 words — < 1%
Internet

56 static.luatvietnam.vn

Internet

11 words — < 1%

57 thoibaotaichinhvietnam.vn

Internet

11 words — < 1%

58 toquoc.mediacd.vn

Internet

11 words — < 1%

59 toquoc.vn

Internet

11 words — < 1%

60 vef.vn

Internet

11 words — < 1%

61 www.vtr.org.vn

Internet

11 words — < 1%

62 [Banking Academy](#)

Publications

10 words — < 1%

63 atv.org.vn

Internet

10 words — < 1%

64 binhtrung.org

Internet

10 words — < 1%

65 greenstone.vn

Internet

10 words — < 1%

66 hotrosinhvien.hcmulaw.edu.vn

Internet

10 words — < 1%

67 huht.hueuni.edu.vn

Internet

10 words — < 1%

68 laodongthudo.vn

10 words — < 1%

69 new.iuvn.net

Internet

10 words — < 1%

70 qtclaw.vn

Internet

10 words — < 1%

71 saudaihoc.lhu.edu.vn

Internet

10 words — < 1%

72 thanglong.chinhphu.vn

Internet

10 words — < 1%

73 www.itdr.org.vn

Internet

10 words — < 1%

74 www.itnews.vn

Internet

10 words — < 1%

75 www.studocu.com

Internet

10 words — < 1%

76 www.voatiengviet.com

Internet

10 words — < 1%

77 adcduhoc.com

Internet

9 words — < 1%

78 daothach.com

Internet

9 words — < 1%

79 doannhanh247.blogspot.com

Internet

9 words — < 1%

80 eduso.vn

9 words — < 1%

81 el.tvu.edu.vn

Internet

9 words — < 1%

82 fr.slideshare.net

Internet

9 words — < 1%

83 fwt.fialda.com

Internet

9 words — < 1%

84 gs1.org.vn

Internet

9 words — < 1%

85 itaexpress.com.vn

Internet

9 words — < 1%

86 nhandan.org.vn

Internet

9 words — < 1%

87 pvctb.vn

Internet

9 words — < 1%

88 tai-lieu.com

Internet

9 words — < 1%

89 tcdulichtphcm.vn

Internet

9 words — < 1%

90 thanhhoavci.edu.vn

Internet

9 words — < 1%

91 tieuluantutuonghochiminh.wordpress.com

Internet

9 words — < 1%

92 tuyensinh.hlu.edu.vn

9 words — < 1%

93 ugreenvietnam.com
Internet

9 words — < 1%

94 vi.info-newt.com
Internet

9 words — < 1%

95 webdien.com
Internet

9 words — < 1%

96 www.coursehero.com
Internet

9 words — < 1%

97 www.saigonpaper.com
Internet

9 words — < 1%

98 123doc.vn
Internet

8 words — < 1%

99 baonamdinh.com.vn
Internet

8 words — < 1%

100 bietthubiennhatrang.net
Internet

8 words — < 1%

101 bogiaoduc.edu.vn
Internet

8 words — < 1%

102 cdn.luatminhkhue.vn
Internet

8 words — < 1%

103 dautuvietnam.com.vn
Internet

8 words — < 1%

104 en.viecoi.vn

Internet

8 words — < 1%

105 haylamdo.blogspot.com

Internet

8 words — < 1%

106 ktpt.neu.edu.vn

Internet

8 words — < 1%

107 langnhincuocsong.net

Internet

8 words — < 1%

108 longphi.net

Internet

8 words — < 1%

109 luanvan.net.vn

Internet

8 words — < 1%

110 phapluatxahoi.kinhtedothi.vn

Internet

8 words — < 1%

111 poolsourcing.vn

Internet

8 words — < 1%

112 sgtt.vn

Internet

8 words — < 1%

113 tailieudulich.wordpress.com

Internet

8 words — < 1%

114 trungtintcn.wordpress.com

Internet

8 words — < 1%

115 ueh.edu.vn

Internet

8 words — < 1%

116 www.gms-eoc.org

Internet

8 words — < 1%

117 www.thuvientailieu.vn
Internet

8 words — < 1%

118 www.viffas.org.vn
Internet

8 words — < 1%

119 www.wacr.com.vn
Internet

8 words — < 1%

EXCLUDE QUOTES OFF
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF
EXCLUDE MATCHES OFF